

Bản án số: 213/2022/DS - PT

Ngày: 23/9/2022

V/v: “*Tranh chấp chia di sản thừa kế
và hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Cường
Ông Nguyễn Tấn Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quang Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/TBTL-TA ngày 23 tháng 02 năm 2022 về: “*Tranh chấp chia di sản thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 17/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2237/2022/QĐ-PT ngày 06/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn D, sinh năm 1936. Trú tại: Tổ 20A, khu 6 phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Đã chết ngày 02/4/2022.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn gồm:

1. Bà Bùi Thị U1, sinh năm 1951. Địa chỉ: Tổ 19A, khu 6, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh - Có mặt.

2. Bà Phạm Hải Y, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ 19A, khu 6, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

3. Bà Phạm Thị O, sinh năm 1975. Địa chỉ: 232 đường B, phường C, quận

H, thành phố Hà Nội.

4. Ông Phạm Hồng D, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ 19A, khu 6, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

5. Ông Phạm Thế A, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ 45B, khu 12, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

6. Bà Phạm Phương Th, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ 21, khu 6, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

7. Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ 9, khu N1, phường N2, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Hải Y; bà Phạm Thị O; ông Phạm Hồng D; ông Phạm Thế A; bà Phạm Phương Th; ông Phạm Văn Q: Bà Bùi Thị U1, sinh năm 1951. Địa chỉ: Tổ 19A, khu 6, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh (hợp đồng ủy quyền ngày 22/7/2022) - Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Minh T – VPLS H1, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình. Địa chỉ: 72 Trần Hưng Đạo, thành phố Đ3, tỉnh Quảng Bình - Có mặt.

- Bị đơn: Ông Phan Văn H2, sinh năm 1957; trú tại: Thôn Đ1, xã Đ2, thành phố Đ3, tỉnh Quảng Bình - Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Anh V, sinh năm 1995. Trú tại: Xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình (hợp đồng ngày 01/4/2022) - Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Thị U1, sinh năm 1951; địa chỉ: Tổ 9, khu N1, phường N2, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh - Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1963; trú tại: Thôn Đ1, xã Đ2, thành phố Đ3, tỉnh Quảng Bình - Có mặt.

3. Những người là vợ và con ruột của ông Phan Văn H4 (đã chết):

3.1. Bà Đặng Thị T1. Địa chỉ: Thôn Đ4, xã Đ2, thành phố Đ3, tỉnh Quảng Bình.

3.2. Ông Phan Văn H3. Địa chỉ: Thôn Đ4, xã Đ2, thành phố Đ3, tỉnh Quảng Bình.

3.3. Bà Phan Thị H5. Địa chỉ: Thôn Tân Sơn, xã Đ2, thành phố Đ3, tỉnh Quảng Bình.

3.4. Bà Phan Thị Ng, địa chỉ: Thôn Đ5, xã Đ2, thành phố Đ3, tỉnh Quảng Bình.

(Các ông Phan Văn H3, bà Phan Thị H5, bà Phan Thị Ng ủy quyền cho ông Phan Văn H2 tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 10/5/2021 có xác nhận của UBND xã Đ2, thành phố Đ3, tỉnh Quảng Bình).

4. Bà Phan Thị L. Địa chỉ: Thôn Đ4, xã Đ2, thành phố Đ3, tỉnh Quảng Bình - Xin xét xử vắng mặt.

5. Bà Phan Thị D1. Địa chỉ: Thôn Đức Điền, xã Đ2, thành phố Đ3, tỉnh Quảng Bình - Xin xét xử vắng mặt.

6. Ủy ban nhân dân xã Đ2, thành phố Đ3, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh V1 - Chủ tịch - Xin xét xử vắng mặt.

7. Ủy ban nhân dân thành phố Đ3, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Ngọc Đ6 - Chủ tịch- Xin xét xử vắng mặt.

* **Người kháng cáo:** ông Phan Văn D, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Bùi Thị U1, bị đơn ông Phan Văn H2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và ý kiến tại bản tự khai và hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Văn D có đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng bà Bùi Thị U1 trình bày:

Bố ông Phan Văn D là cụ ông Phan C1 (chết năm 1980), mẹ là cụ bà Đặng Thị Y1 (Chết năm 1991). Bố mẹ ông D sinh được 04 người con, gồm: Ông Phan Văn H4 (bố của anh Phan Văn H2), Bà Phan Thị L, Bà Phan Thị D1, Ông Phan Văn D.

Bố mẹ ông D sinh sống trên diện tích 480 m² thuộc thửa đất số 372, tờ bản đồ số 07 tại thôn Đ4, xã Đ2, thành phố Đ3, tỉnh Quảng Bình nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSD đất). Ngày 21/9/1990, UBND thị xã Đ3 cấp quyền sử dụng thửa đất số 372, tờ bản đồ số 07 của cụ C1, cụ Y1 cho ông Phan Văn H2 theo giấy CNQSD đất số vào sổ cấp GCN 01677QSDD/128QĐ/UB ngày 21/9/1990 mang tên ông Phan Văn H2 không thông qua ý kiến gia đình. Ông D chết năm 1980, bà Yểm chết năm 1991 không để lại di chúc. Đến năm 1997 thì anh em trong gia đình ông D mới biết là ông H2 có giấy CNQSD đất nên tổ chức họp gia đình, sau đó thống nhất giao toàn bộ hưởng thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất cho vợ chồng ông bà Phan Văn D và Bùi Thị U1, nhưng không thực hiện được việc giao đất cho ông D, bà U1 vì ông Phan Văn H2 không đồng ý giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất để làm thủ tục sang tên.

Căn nhà cũ của cụ Phan C1 và cụ Đặng Thị Y1 đã bị tháo dỡ, ông D và bà U1 đã làm lại nhà mới cách đây khoảng 20 năm nhằm thờ cúng ông bà.

Nay vợ chồng ông D có nguyện vọng chia di sản thừa kế dựa vào Biên bản họp gia đình ngày 09/4/1997 của 4 chị em trong gia đình ông D; ông D, bà U1 cho rằng đây là văn bản hợp pháp duy nhất được chứng nhận đóng dấu của chính quyền địa phương UBND xã Đ2, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Phan Văn H2 phải trả lại QSD đất thuộc thửa 372, tờ bản đồ số 07 tại thôn Đ4, xã Đ2, thành phố Đ3, tỉnh Quảng Bình cho ông bà và hủy giấy CNQSD đất số vào sổ cấp GCN 01677QSDD/128QĐ/UB ngày 21/9/1990 do UBND thị xã Đ3 cấp ngày 21/9/1990 mang tên ông Phan Văn H2.

Tại các bản tự khai và hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Phan Văn H2 trình bày:

Ông Phan Văn H2 thừa nhận hiện nay đang sử dụng thửa đất số 372, tờ bản đồ số 07 tại thôn Đ4, xã Đ2, thành phố Đ3 mà ông D đang khởi kiện chia di sản thừa kế.

Ông H2 không đồng ý với nội dung khởi kiện của ông Phan Văn D, không đồng ý chia di sản thừa kế vì nguồn gốc thửa đất số 372, tờ bản đồ số 07 là của bà nội ông H2 là cụ Đặng Thị Y1. Ông H2 sống với bà nội từ nhỏ nên bà Yêm đã cho ông.

Nguồn gốc đất theo trình bày của ông H2 là của cụ Phan C1 và cụ Đặng Thị Y1 (là ông, bà nội của ông H2). Từ tháng 10/1986 sau khi bộ đội, trở về ông H2 lấy vợ là bà Nguyễn Thị D1, sinh sống cùng với cụ Đặng Thị Y1 trên thửa đất 372 để chăm sóc cụ Y1 tuổi già. Từ năm 1987, UBND xã Đ2 tổ chức kê khai giấy CNQSD đất, khi đó ông Đặng Quang Ch là đội trưởng đội sản xuất, ông Đặng Văn Quý là thư ký đội sản xuất của thôn đi phát tờ khai làm sổ đỏ, bà nội ông H2 có nói với ông Ch là cháu nội Phan Văn H2 có công sức nuôi dưỡng nên bà cho ông H2 thửa đất này, cụ Y1 biết rõ và đồng ý để ông H2 kê khai cấp giấy CNQSD đất. UBND xã Đ2, thị xã Đ3 lúc đó đều đã tiến hành thẩm định kỹ càng để làm hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất mà không ai có khiếu kiện tranh chấp gì.

Ngày 21/9/1990, UBND thị xã Đ3 cấp giấy CNQSD đất số vào sổ cấp GCN 01677QSDD/128QĐ/UB ngày 21/9/1990 mang tên Phan Văn H2 đối với thửa đất số 372, tờ bản đồ số 07 diện tích 480 m² (Trong đó có 200 m² đất ở và 280 m² đất màu) tại thôn Đ4, xã Đ2, thành phố Đ3. Việc cấp giấy CNQSD đất hoàn toàn đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Khi nhận được giấy CNQSD đất bà nội, bố ông H2 là ông Phan Văn H4, hai cô ruột của ông H2 là Phan Thị L và Phan Thị D1 lúc đó đều ở gần nhà, biết rõ và không có ý kiến gì, việc cấp đất cấp đồng loạt, công khai ở thôn Đ4 và UBND xã Đ2 cho các hộ dân đều biết. Năm 1991 cụ

Y1 chết nên vợ chồng ông H2 là người trực tiếp quản lý, trông nom thửa đất này, hàng năm ông H2 là người nộp thuế sử dụng đất cho Nhà nước.

Đối với căn nhà do ông D, bà U1 xây trên đất, ông H2 cho rằng vì điều kiện kinh tế khó khăn nên lo làm ăn, đồng thời ngôi nhà hiện tại của vợ chồng ông H2 cũng xa nhà cũ nên không quản lý đất đai nhà cửa được thường xuyên; không có sự đồng ý của ông nhưng vào năm 1997 vợ chồng ông Phan Văn D, bà Bùi Thị U1 đã tháo dỡ nhà của cụ Y1 và xây dựng trên đó ngôi nhà hai gian để thờ cúng chung cho gia đình.

Về vấn đề chia thừa kế thì các cô ruột, chú và bố ông H2 cũng không còn quyền lợi trên mảnh đất này vì đất này cụ Y1 cho ông H2 thừa kế và ông H2 làm thẻ đỏ khi cụ Y1 còn sống, ông H2 nộp thuế đất hàng năm từ đó đến nay. Nay vì đất lên giá mà các cô chú muốn chia thừa kế là không đảm bảo pháp luật và đạo lý. Ngay việc ông Phan Văn D khởi kiện, theo ông H2 cũng không đảm bảo quy định pháp luật vì ông Phan Văn D hiện đã già yếu không đi lại được, không thể biết được còn đủ sức khỏe minh mẫn hay không, cả hai cô ruột của ông H2 là Phan Thị D1 và Phan Thị L cũng đã già không đảm bảo theo kiện, còn bà U1 không liên quan và không có quyền lợi gì trên mảnh đất này.

Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình ông H2 yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết các vấn đề sau đây: Bác đơn khởi kiện của ông Phan Văn D về chia thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D1 (vợ ông Phan Văn H2) thống nhất lời trình bày với ông Phan Văn H2. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phan Văn D vì hai vợ chồng ông H2, bà D1 về sinh sống phụng dưỡng bà nội là cụ Y1 từ năm 1986 đến khi cụ Y1 mất năm 1991; ông H2 và bà D1 là người sử dụng đất, canh tác và nộp phí, thuế đất từ khi kê khai để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, ông Phan Văn H2 và bà Nguyễn Thị D1 có đơn đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế đối với cụ ông Phan C1 và không xác định di sản thừa kế đối với bà Đặng Thị Y1.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị L và bà Phan Thị D1 trình bày tại các biên bản lấy lời khai ngày 30/3/2021:

Các bà là con ruột của cụ Phan C1 và cụ Đặng Thị Y1. Nguồn gốc thửa đất 372, tờ bản đồ số 7 thôn Đ4, xã Đ2, thành phố Đ3 đang tranh chấp giữa ông D và ông H2 là của cụ C1 và cụ Y1, ông H2 đi bộ đội về và ở với cụ Y1, làm thẻ đỏ nhưng không có ý kiến bàn bạc với bố (*ông Phan Văn H4*) và các cô chú là bà Phan Thị L, Phan Thị D1 và ông Phan Văn D. Các bà đồng ý để lại phần thừa kế của mình cho ông Phan Văn D để làm nơi thờ cúng và không được mua bán, chuyển nhượng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T1 – là vợ của ông Phan Văn H4 do bị di chúc nên Tòa án không lấy được lời khai, các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn H3, bà Phan Thị H5, bà Phan Thị Ng – là con ruột của ông Phan Văn H4 ủy quyền cho ông Phan Văn H2 tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND xã Đ2, thành phố Đ3 trình bày tại biên bản xác minh ngày 29 tháng 3 năm 2021:

Nguồn gốc thửa đất số 372, tờ bản đồ số 07 diện tích 480 m² tại thôn Đ4, xã Đ2, thành phố Đ3 là của cụ ông Phan C1 và cụ bà Đặng Thị Y1. Căn cứ vào giấy tờ thì đã để lại thửa đất cho ông Phan Văn H2, sinh năm 1957 hiện đang sinh sống tại thôn Đ1, xã Đ2, thành phố Đ3. Ông H2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1990. Cụ thể là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01677 QSDĐ/128/QĐ-UB số A197487 đối với thửa đất số 372, tờ bản đồ số 07, diện tích 480 m². Ông Phan Văn H2 sử dụng ổn định và nộp thuế, lệ phí đất từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1990 đến nay. Về thỏa thuận chia di sản thừa kế tại Biên bản họp gia đình ngày 09 tháng 4 năm 1997 của 04 người con cụ ông Phan C1 và cụ bà Đặng Thị Y1 đúng là đã được xác nhận của UBND xã Đ2 vào năm 1997 nhưng tính pháp lý và cơ sở của văn bản này để xác định di sản thừa kế thì đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xem xét theo quy định pháp luật vì văn bản này lập sau khi cụ C1 và cụ Y1 qua đời. Lúc này ông H2 đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xác nhận của UBND xã Đ2 chỉ để xác nhận chữ ký và có xảy ra cuộc họp gia đình vào thời gian trên. Về trình tự, thủ tục cấp đất UBND xã Đ2 không có ý kiến, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: UBND thành phố Đ3 trình bày tại Công văn số 251/UBND-TNMT ngày 02 tháng 02 năm 2021

Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phan Văn H2 đối với thửa đất nói trên được lập đại trà (*kê khai đồng loạt*) cùng với các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại xã Đ2. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01677 QSDĐ/128/QĐ-UB do UBND thị xã Đ3 cấp cho ông H2 ngày 21/9/1990, diện tích được cấp giấy chứng nhận là 480,0 m², đúng với diện tích thửa đất số 372, tờ bản đồ số 07, bản đồ giải thửa xã Đ2 được thành lập năm 1990. Việc UBND thị xã Đ3 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn H2 đối với thửa đất trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Luật đất đai năm 1987 và khoản 1 Điều 13 Nghị định số 30-HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thi hành Luật Đất đai. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2020 của ông Phan Văn D; bản trình bày ý kiến ngày 20/01/2021 của ông Phan Văn H2 và Giấy xác nhận số 05/GXN/UB ngày 16/10/2006 của UBND xã Đ2 thì trước khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H2, thửa đất nói trên có nguồn gốc của ông Phan C1 và bà Đặng Thị Y1 (*là cha, mẹ*

của ông D) sử dụng. Do vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình căn cứ nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và hồ sơ, chứng cứ do các bên cung cấp để xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 17/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 184, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 688, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 100, 101, 202 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn D về yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ Đặng Thị Y1.

Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phan Văn D về yêu cầu chia di sản thừa kế là di sản của cụ Phan C1. Ông Phan Văn H2 được hưởng phần di sản của cụ Phan C1 do hết thời hiệu khởi kiện là đất có diện tích 204,84m² (100m² đất ở và 104,84m² đất vườn) thuộc thửa 372 tờ bản đồ 7 tại thôn Đ4, xã Đ2, thành phố Đ3 tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN 01677QSDĐ/128QĐ/UB do UBND thị xã Đ3 cấp ngày 21/9/1990 mang tên ông Phan Văn H2 có giá trị là 94.838.760 đồng.

1. Xác định di sản thừa kế do cụ Đặng Thị Y1 để lại là diện tích 204,84m² đất (trong đó có 100m² đất ở có giá trị 97.500.000 đồng và 104,84m² đất vườn có giá trị 4.088.000) thuộc thửa 372 tờ bản đồ 7 tại thôn Đ4, xã Đ2, thành phố Đ3 tỉnh Quảng Bình, (là 01 phần của thửa 372) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN 01677QSDĐ/128QĐ/UB do UBND thị xã Đ3 (nay là UBND thành phố Đ3) cấp ngày 21/9/1990 mang tên ông Phan Văn H2, di sản thừa kế của cụ Y1 có giá trị là 101.585.000 đồng, được chia 05 phần, mỗi phần là 40,96m², (có 20m² đất ở) có giá trị 20.317.000 đồng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của bà Phan Thị L và Phan Thị D1 về việc giao phần di sản được hưởng cho ông Phan Văn D.

3. Chia cho ông Phan Văn D phần đất có diện tích 127,88 m² có giá trị 61.315.000 đồng (trong đó có 60m² đất ở có giá trị 58.500.000 đồng, 67,88 m² đất vườn có giá trị 2.647.000 đồng) thuộc thửa 372 tờ bản đồ 7 xã Đ2, thành phố Đ3, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận QSD đất có số vào sổ 01677 do

UBND thị xã Đ3 (*nay là UBND thành phố Đ3*) cấp ngày 21/9/1990 mang tên ông Phan Văn H2, là 03 phần di sản thừa kế của ông Phan Văn D, bà Phan Thị L, bà Phan Thị D1.

Trên đất được chia có căn nhà 2 gian diện tích sử dụng $36m^2$ do ông Phan Văn D và bà Bùi Thị U1 xây dựng. Ông Phan Văn D có trách nhiệm trả cho ông Phan Văn H2 số tiền 194.000 đồng phần giá trị $4,98m^2$ đất được chia tăng thêm so với phần hưởng thừa kế.

Ông Phan Văn H2 có trách nhiệm giải phóng các tài sản, cây cối trên đất thuộc sở hữu của mình để giao đất lại cho ông Phan Văn D.

4. Chia cho các ông, bà: Đặng Thị T1, Phan Văn H2, Phan Văn H3, Phan Thị H5, Phan Thị Ng, là vợ và các con của ông Phan Văn H4 (*đã chết*) được hưởng 01 phần di sản của cụ Đặng Thị Y1 có diện tích $40,96m^2$ bằng giá trị là 20.317.000 đồng (*trong đó đất ở $20m^2$ có giá trị 19.500.000 đồng, đất vườn $20,96m^2$ có giá trị 817.000 đồng*). Ông H2 có trách nhiệm trả số tiền 20.317.000 đồng cho các đồng thừa kế của ông H4 nhưng giao cho ông H2 tạm quản lý số tiền di sản này.

Giao cho ông H2 được quyền sử dụng $40,96m^2$ đất thuộc thửa 372 tờ bản đồ 7 xã Đ2, thành phố Đ3, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận QSD đất có số vào sổ cấp GCN 01677QSDĐ/128QĐ/UB do UBND thị xã Đ3 (*nay là UBND thành phố Đ3*) cấp ngày 21/9/1990 mang tên ông Phan Văn H2 - là phần thừa kế chia cho ông Phan Văn H4.

5. Chia cho ông Phan Văn H2 phần công sức quản lý, tôn tạo đất là 01 phần di sản là đất có diện tích $40,96m^2$ thuộc thửa 372 tờ bản đồ 7 xã Đ2, thành phố Đ3, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận QSD đất có số vào sổ cấp GCN 01677QSDĐ/128QĐ/UB do UBND thị xã Đ3 (*nay là UBND thành phố Đ3*) cấp ngày 21/9/1990 mang tên ông Phan Văn H2 có giá trị là 20.317.000 đồng. Ông H2 được sở hữu công trình phụ là tường gạch mái lợp phi bờ rô xi măng cao 2m; diện tích $2,2m \times 3,2m = 7,04m^2$ có giá trị 341.000 đồng. Giếng nước đường kính 1,0 m không còn giá trị trên phần đất được chia.

Như vậy tổng diện tích giao cho ông Phan Văn H2 là $281,8m^2$ đất thuộc thửa 372 tờ bản đồ 7 xã Đ2, thành phố Đ3, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận QSD đất có số vào sổ cấp GCN 01677QSDĐ/128QĐ/UB do UBND thị xã Đ3 (*nay là UBND thành phố Đ3*) cấp ngày 21/9/1990 mang tên ông Phan Văn H2.

(có sơ đồ kèm theo bản án này)

Án có hiệu lực, các đương sự tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

6. Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn D: Hủy giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ cấp GCN 01677QSDĐ/128QĐ/UB do UBND thị xã Đ3 (*nay là UBND thành phố Đ3*) cấp cho ông Phan Văn H2 đối với thửa đất số 372, tờ bản đồ số 07 diện tích 480 m² (*Trong đó có 200 m² đất ở và 280 m² đất màu*) tại thôn Đ4, xã Đ2, thành phố Đ3 để chia di sản thừa kế.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/01/2022, bị đơn ông Phan Văn H2, bà Nguyễn Thị D1 kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phan Văn D, với các lý do như sau:

- Khi kê khai đề cấp giấy CNQSD đất, bà nội ông H2 là cụ Y1 đồng ý cho ông H2 kê khai cấp giấy CNQSD đất. Khi cấp giấy CNQSD đất thì cụ Y1 còn sống; bố ông H2 là ông Phan Văn H4, hai cô ruột của ông H2 là Phan Thị L và Phan Thị D1 lúc đó đều biết rõ nhưng không có ý kiến phản đối hoặc khiếu nại.

- Ông H2 là người trực tiếp canh tác thửa đất tranh chấp từ năm 1975 cho đến nay đã gần 46 năm và là quản lý, trông nom thửa đất này, nộp thuế sử dụng đất cho Nhà nước từ sau khi cụ Y1 chết cho đến nay.

- Năm 1997, lợi dụng việc vợ chồng ông H2 đi làm ăn xa; ông D và bà U1 phá bỏ căn nhà cũ của cụ Phan C1 và cụ Đặng Thị Y1, xây nhà mới trên đất mà không có sự đồng ý của ông H2.

Ngày 10/02/2022, nguyên đơn ông Phan Văn D và bà Bùi Thị U1 kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu chia di sản thừa kế theo Biên bản họp gia đình ngày 09/4/1997 và buộc ông Phan Văn H2 giao toàn bộ tài sản của cụ Phan C1 và cụ Đặng Thị Y1 cho ông Phan Văn D và bà Bùi Thị U1.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn kháng cáo và ông Phan Văn H2, bà Nguyễn Thị D1 không rút, thay đổi hoặc bổ sung kháng cáo. Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của những người tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền lợi, ý kiến của Kiểm sát viên và sau khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm, các đương sự đều có lời khai thừa nhận nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của cụ Phan C1 và cụ Đặng Thị Y1 tạo lập, quản lý và sử dụng khi còn sống; căn nhà trên diện tích đất tranh chấp là của ông Phan Văn D và bà Bùi Thị U1 xây dựng từ năm 1997. Do đó, HĐXX cấp phúc thẩm căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định:

- Cụ Phan C1 chết ngày 14/01/1980, cụ Đặng Thị Y1 chết ngày 24/01/1991; không để lại di chúc.

- Cụ Phan C1 và cụ Đặng Thị Y1 có 04 con chung là ông Phan Văn H4 (*bố của bị đơn Phan Văn H2*), bà Phan Thị L, bà Phan Thị D1 và ông Phan Văn D; cụ Phan C1 và cụ Đặng Thị Y1 không có con riêng hoặc con nuôi nào khác.

Tại thời điểm chia thừa kế, ông Phan Văn H4 (*bố của bị đơn Phan Văn H2*) đã chết nên vợ ông H4 là bà Đặng Thị T1 và những người con của ông H4 là Phan Văn H2, Phan Văn H3, Phan Thị H5, Phan Thị Ng được nhận phần di sản được hưởng của ông H4.

- Di sản của cụ Phan C1 và cụ Đặng Thị Y1 là quyền sử dụng đất có diện tích 480 m² thuộc thửa đất số 372, tờ bản đồ số 07 tại thôn Đ4, xã Đ2, thành phố Đ3, tỉnh Quảng Bình (*nay là thửa đất số 57, tờ bản đồ số 21- Bản đồ địa chính năm 2014*); trị giá 203.177.520 đồng.

[2] Theo lời khai của bị đơn ông Phan Văn H2 và các lời khai của ông Phan Văn D, bà Phan Thị L, bà Phan Thị D1; thể hiện: Vợ chồng ông Phan Văn H2, bà Nguyễn Thị D1 về cùng sinh sống chung với cụ Đặng Thị Y1 từ tháng 10/1986 tại diện tích đất tranh chấp thừa kế (*thửa đất số 372, tờ bản đồ số 07*); trong quá trình sống chung với cụ Y1, ông Phan Văn H2 đã đăng ký, kê khai đất tranh chấp thừa kế và được UBND thị xã Đ3 (*nay là UBND thành phố Đ3*) cấp Giấy chứng nhận QSD đất số A 197487 ngày 21/9/1990 cho ông Phan Văn H2 (*Trong đó có 200 m² đất ở và 280 m² đất màu*).

Như vậy, thời điểm lập Biên bản họp gia đình ngày 09/4/1997 là thời điểm nhà nước công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 372, tờ bản đồ số 07 diện tích 480 m² là của ông Phan Văn H2 đang có hiệu lực; ông H2 cùng cụ Phan C1, cụ Đặng Thị Y1 cùng ở, cùng canh tác diện tích đất tranh chấp và sau khi đi bộ đội trở về ông H2 cùng bà Nguyễn Thị D1, cụ Đặng Thị Y1 (tháng 10/1986) tiếp tục quản lý, sử dụng đất trên thửa đất 372, chăm sóc cụ Y1 tuổi già (*Cụ Y1 đã 73 tuổi- chết 78 tuổi*) hơn 45 năm là có công sức duy trì, bảo quản và tôn tạo diện tích đất tranh chấp nên việc lập Biên bản họp gia đình ngày 09/4/1997 không có mặt ông Phan Văn H2, không thể hiện sự thống nhất của ông H2 và Biên bản họp gia đình ngày 09/4/1997 có nội dung: các đồng thừa kế thống nhất tặng cho quyền sử dụng đất thừa kế cho vợ chồng ông D, bà U1 nhưng chưa được đăng ký

tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật đất đai năm 1993 và Điều 712 Bộ luật dân sự năm 1995 nên không có hiệu lực. Do đó, kháng cáo yêu cầu chia di sản thừa kế theo Biên bản họp gia đình ngày 09/4/1997 của ông D và bà U1 không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Cụ Phan C1 mất vào ngày 14/01/1980; ông Phan Văn D khởi kiện vào ngày 03/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Phan Văn H2 và bà Nguyễn Thị D1 có đơn đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế đối với di sản của cụ Phan C1. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu chia di sản thừa kế của cụ Phan C1 đã hết. Cho nên, di sản của cụ Phan C1 thuộc về ông Phan Văn H2 – là người đang chiếm hữu, quản lý di sản của cụ Phan C1 như bản án sơ thẩm đã quyết định là đúng pháp luật.

[4] Bà Đặng Thị Y1 chết vào ngày 24/01/1991; thời hiệu chia di sản thừa kế vẫn còn nên Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Văn D, chia phần di sản thừa kế diện tích 204,84m² đất tại thửa đất số 372, tờ bản đồ số 07 của cụ bà Đặng Thị Y1 cho 04 đồng thừa kế và trích công sức quản lý, tôn tạo và thực hiện nghĩa vụ thuế đất của ông H2, bà D1 bằng 01 suất thừa kế; mỗi suất thừa kế được hưởng 40,96m² đất là có cơ sở.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông Phan Văn H2 được nhận phần di sản của ông H4, do hết thời hiệu là diện tích 204,84m² đất và được nhận phần di sản của cụ Đặng Thị Y1 diện tích đất 79,25m²; giao cho ông ông Phan Văn D được nhận phần diện tích đất 127,88m², có căn nhà 2 gian (*diện tích sử dụng 36m²*) do vợ chồng ông Phan Văn D xây dựng là có căn cứ và phù hợp.

[6] Như đã phân tích, thửa đất số 372, tờ bản đồ số 07 diện tích 480 m² là di sản thừa kế được chia thừa kế theo pháp luật nhưng UBND thị xã Đ3 (*nay là UBND thành phố Đ3*) cấp giấy CNQSD đất ngày 21/9/1990 cho ông Phan Văn H2 là không đúng quy định tại Điều 4 Nghị định số 30-HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về thi hành luật đất đai và mục II của QUY ĐỊNH về việc cấp giấy CNQSD đất (*ban hành kèm theo Quyết định số 201-QĐ/ĐKTK ngày 14-7-1989*) của Tổng cục Quản lý ruộng đất. Cho nên, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn D về hủy giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho ông Phan Văn H2 ngày 21/9/1990 là đúng quy định của pháp luật.

[7] Từ nhận định trên, HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn H2, bà Nguyễn Thị D1 và của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng ông Phan Văn D là bà Bùi Thị U1.

Do không chấp nhận kháng cáo nên những người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, những người kháng cáo là người cao tuổi, có đơn xin miễn

giảm án phí nên được miễn án phí phúc thẩm.

[8] Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn H2, bà Nguyễn Thị D1 và của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng ông Phan Văn D là bà Bùi Thị U1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các điều 688, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100, 101, 202 Luật Đất đai năm 2013 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn D về yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ Đặng Thị Y1 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn D về yêu cầu chia di sản thừa kế là di sản của cụ Phan C1 do hết thời hiệu khởi kiện.

Xác định di sản thừa kế do cụ Đặng Thị Y1 để lại là diện tích 204,84m² đất (trong đó có 100m² đất ở có giá trị 97.500.000 đồng và 104,84m² đất vườn có giá trị 4.088.000) thuộc thửa 372 tờ bản đồ 7 tại thôn Đ4, xã Đ2, thành phố Đ3 tỉnh Quảng Bình, (là 01 phần của thửa 372 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN 01677QSDĐ/128QĐ/UB do UBND thị xã Đ3 (nay là UBND thành phố Đ3) cấp ngày 21/9/1990 mang tên ông Phan Văn H2), di sản thừa kế của cụ Y1 có giá trị là 101.585.000 đồng, được chia 05 phần, mỗi phần là 40,96m², (có 20m² đất ở) có giá trị 20.317.000 đồng

Công nhận sự thỏa thuận của bà Phan Thị L và Phan Thị D1 về việc giao phần di sản được hưởng cho ông Phan Văn D.

2. Ông Phan Văn D được quyền sử dụng diện tích đất 127,88m² có giá trị 61.315.000 đồng (trong đó có 60m² đất ở có giá trị 58.500.000 đồng, 67,88 m² đất vườn có giá trị 2.647.000 đồng) thuộc thửa 372 tờ bản đồ 7 xã Đ2, thành phố Đ3, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận QSD đất có số vào sổ 01677 do UBND thị xã Đ3 (nay là UBND thành phố Đ3) cấp ngày 21/9/1990 mang tên ông Phan Văn H2; có vị trí và kích thước như sau:

Bắc giáp đường giao thông nông thôn, dài 9,25m + 1,22m; Nam giáp thửa 372 dài 9,4m; Đông giáp thửa 372 dài 13 m; Tây giáp thửa 56 của ông Đặng Văn

Quý dài 12,5m (*Trên đất được chia cho ông D có căn nhà 2 gian diện tích sử dụng 36m² do ông Phan Văn D và bà Bùi Thị U1 xây dựng*).

Ông Phan Văn D có trách nhiệm bồi trả cho ông Phan Văn H2 số tiền 194.000 đồng phần giá trị 4,98m² đất được chia tăng thêm so với phần hưởng thừa kế. Ông Phan Văn H2 có trách nhiệm tháo dỡ và di dời các tài sản, cây cối của ông H2 trên diện tích đất 127,88m² được giao ông Phan Văn D.

3. Chia cho các ông, bà: Đặng Thị T1, Phan Văn H2, Phan Văn H3, Phan Thị H5, Phan Thị Ng (*là vợ và các con của ông Phan Văn H4 - đã chết*) được hưởng 01 phần di sản của cụ Đặng Thị Y1 bằng giá trị là 20.317.000 đồng; giao cho ông H2 được quyền sử dụng diện tích đất thuộc thửa 372 tờ bản đồ 7 xã Đ2, thành phố Đ3, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận QSD đất có số vào sổ cấp GCN 01677QSDĐ/128QĐ/UB do UBND thị xã Đ3 (*nay là UBND thành phố Đ3*) cấp ngày 21/9/1990 mang tên ông Phan Văn H2 - là phần thừa kế chia cho ông Phan Văn H4.

Ông H2 có trách nhiệm trả số tiền 20.317.000 đồng cho các đồng thừa kế của ông H4 nhưng giao cho ông H2 tạm quản lý số tiền di sản này.

4. Ông Phan Văn H2 được quyền sử dụng diện tích đất 40,96m² (*phần công sức quản lý, tôn tạo đất*) và diện tích 204,84m²; trong đó có 100m² đất ở và 104,84m² đất vườn (*phần di sản của cụ Phan C1 do hết thời hiệu khởi kiện*) thuộc thửa 372 tờ bản đồ 7 xã Đ2, thành phố Đ3, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận QSD đất có số vào sổ cấp GCN 01677QSDĐ/128QĐ/UB do UBND thị xã Đ3 (*nay là UBND thành phố Đ3*) cấp ngày 21/9/1990 mang tên ông Phan Văn H2 có giá trị là 20.317.000 đồng. Ông H2 được sở hữu công trình phụ là tường gạch mái lợp phi bờ rô xi măng cao 2m; diện tích 2,2m x 3,2 m = 7,04 m² có giá trị 341.000 đồng và giếng nước đường kính 1,0 m không còn giá trị trên phần đất được chia.

Như vậy tổng diện tích giao quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn H2 (3. và 4.) là 281,80m² thuộc thửa 372, tờ bản đồ 7 xã Đ2, thành phố Đ3, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận QSD đất có số vào sổ cấp GCN 01677QSDĐ/128QĐ/UB do UBND thị xã Đ3 (*nay là UBND thành phố Đ3*) cấp ngày 21/9/1990 mang tên ông Phan Văn H2 có vị trí và kích thước như sau:

Bắc giáp đường giao thông; dài 10 m; Nam giáp thửa đất số 83 (*đất ông Đặng Văn Th1*) dài 13,08 m²; Đông giáp đường giao thông dài 3,95m, 2,9 m, 2,85 và 15,5 m; Tây giáp thửa đất số 56 (*Đất ông Đặng Văn Q1*) dài 8,02 m.

(*có sơ đồ kèm theo bản án này*)

Án có hiệu lực, các đương sự tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

5. Hủy giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ cấp GCN 01677QSDĐ/128QĐ/UB do UBND thị xã Đ3 (*nay là UBND thành phố Đ3*) đứng tên ông Phan Văn H2 đối với thửa đất số 372, tờ bản đồ số 07 diện tích 480 m² tại thôn Đ4, xã Đ2, thành phố Đ3.

6. Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phan Văn H2, bà Nguyễn Thị D1 và bà Bùi Thị U1.

7. Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng, lãi chậm thi hành án, quyền nghĩa vụ thi hành án và án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh